

Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong luật hình sự Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn

Hoàng Trí Ngọc

Khoa Luật

Luận văn Thạc sĩ ngành: Luật Hình sự; Mã số: 60 38 40

Người hướng dẫn: TS. Trương Quang Vinh

Năm bảo vệ: 2009

Abstract: Tìm hiểu định nghĩa khoa học về khái niệm tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP). Nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về VSATTP, qua đó làm nổi bật các đặc điểm có tính đặc thù của loại tội này. Phân tích thực trạng vi phạm quy định về VSATTP, thực tiễn xử lý dưới góc độ pháp luật phi hình sự và pháp luật hình sự. Qua đó, nghiên cứu những vấn đề còn đang bất cập, tồn tại đối với quy định về loại tội này. Làm sáng tỏ sự cần thiết phải hoàn thiện tội vi phạm quy định về VSATTP trong pháp luật hình sự Việt Nam và đưa ra các phương hướng nhằm hoàn thiện quy định về tội vi phạm quy định về VSATTP tại Bộ luật hình sự năm 1999.

Keywords: Luật hình sự; Pháp luật Việt Nam; Vệ sinh an toàn thực phẩm

Content

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người muốn tồn tại và phát triển được nhất thiết phải có sức khỏe, muốn có sức khỏe con người không thể hít khí trời và ký sinh trên các đối tượng khác. Con người khi sinh ra là có nhu cầu ăn, uống, ở, mặc, đó là lẽ tự nhiên của cuộc sống. Trong một xã hội có nhiều con người khỏe mạnh xã hội đó, đất nước đó chắc chắn sẽ phát triển bền vững, bởi vì chính con người là lực lượng cơ bản nhất làm ra của cải vật chất và là nguồn lực vô giá của quốc gia.

Để có những con người khỏe mạnh, phát triển đầy đủ về trí tuệ điều cần thiết đầu tiên là phải có nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm dồi dào, an toàn. Do vậy, việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) cho con người là rất quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước. Ở nước ta tình trạng vi phạm pháp luật về VSATTP dưới góc độ pháp luật phi hình sự và pháp luật hình sự xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người sử dụng thực phẩm đã và đang là vấn đề gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Tội phạm vi phạm quy định về VSATTP xâm hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của người sử dụng thực phẩm, xâm phạm quy định của Nhà nước về chất lượng hàng hóa, sự lành mạnh trong sản xuất kinh doanh. Hành vi của người thực hiện tội phạm này được thực

hiện một cách tinh vi, bài bản, trong một số trường hợp đã áp dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến về hóa chất, vật lý,... để chế biến, bảo quản thực phẩm. Tuy nhiên, việc nghiên

cứu về loại tội phạm này còn chưa nhận được sự quan tâm thỏa đáng của các nhà khoa học luật hình sự, mặc dù đây là loại tội phạm truyền thống. Bên cạnh đó, Bộ luật hình sự (BLHS) Việt Nam đã qua 5 lần sửa đổi, bổ sung nhưng về cơ bản những tồn tại bất cập trong dấu hiệu của cấu thành tội này vẫn chưa được hoàn thiện. Chính điều này là nguyên nhân trực tiếp gây nên sự khiếm khuyết trong việc áp dụng quy định về tội này theo pháp luật hình sự.

Trong thực tiễn, hành vi vi phạm quy định về VSATTP diễn ra ở hầu hết các công đoạn trong chuỗi hình thành nên thực phẩm từ việc nuôi trồng, chế biến, bảo quản, cung cấp, bán thực phẩm. Hậu quả của tình hình vi phạm này là trong 4 năm từ năm 2004-2008 trên địa bàn cả nước đã xảy ra 906 vụ ngộ độc thực phẩm với 30.180 người bị ngộ độc, số người chết là 267 người, trung bình một năm chết 53,4 người. Theo số liệu thống kê của tổ chức y tế Thế giới (WHO) thì hàng năm ở Việt Nam có hơn 8 triệu người bị ngộ độc và tiêu chảy do ăn uống. Những số liệu này đã cho thấy tính chất nghiêm trọng của tình hình vi phạm quy định về VSATTP, mặt khác những số liệu này cũng mới chỉ thể hiện ở hậu quả là ngộ độc thực phẩm do thực phẩm không bảo đảm an toàn mang lại. Còn những hậu quả khác gây ra cho con người về lâu dài như các chứng bệnh ung thư, rối loạn chức năng, vô sinh, quái thai,... ở người thì hiện nay chưa có số liệu thống kê chính xác, mặc dù đây là hậu quả đã được các nhà khoa học chứng minh. Tình hình trên cho thấy, việc vi phạm quy định về VSATTP là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến vấn đề ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền nhiễm thực phẩm cho người sử dụng. Tuy nhiên, hầu hết các hành vi phạm pháp luật về VSATTP chỉ bị xử phạt hành chính, trong khi đó nhiều trường hợp đã thỏa mãn dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 244 BLHS năm 1999 và phải bị coi là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự (TNHS) nhưng trên thực tế vẫn không bị xử lý hình sự. Cho nên biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đã không còn tính răn đe, giáo dục trong thực tiễn, không phản ánh được việc cá thể hóa hình phạt.

Thống kê xét xử cho thấy, từ năm 2002-2008 ngành tòa án mới chỉ xét xử 1 vụ án đối với tội vi phạm quy định về VSATTP. Điều này đã chưa phản ánh đầy đủ tính chất nguy hiểm của người thực hiện tội vi phạm quy định về VSATTP trong thực tiễn.

Từ thực trạng như vậy, việc nghiên cứu sâu sắc hơn nữa để làm sáng tỏ về mặt lý luận, nguyên nhân hạn chế của việc áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm này là vấn đề có ý nghĩa quan trọng và mang tính cấp thiết. Vì vậy, tôi chọn đề tài ***“Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong luật hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Về phương diện y sinh học, vấn đề VSATTP đã nhận được sự quan tâm của nhiều cơ quan, tổ chức, các Bác sỹ, giảng viên, và người hoạt động trong lĩnh vực y tế. Nhiều công trình khoa học về VSATTP được nghiên cứu áp dụng cũng đã góp phần nâng cao nhận thức cho người sử dụng về VSATTP. Một số công trình về vấn đề này như Trần Đáng (2004), Mối nguy VSATTP chương trình kiểm soát GMP, GHP và hệ thống quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP, Nxb y học Hà Nội; Khảo sát kiến thức, thái độ và hành vi (KAP) của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng về 2 sản phẩm có chứa hàn the (giò chả, mì sợi) (năm 2005) của tập thể tác giả ThS. Đào Mỹ Thanh, BS. Nguyễn Sỹ Hào, ThS. Nguyễn Khoa Hạ Mai, CN. Đàm Thái Sơn, BS. Nguyễn Thị Lê, NS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng, KS. Nguyễn Thị Kim, BS. Nguyễn Thị Hương, BS. Đỗ Thị Thu Trang; WHO Tài liệu dịch của Nguyễn Huy Nga (2000), Những yêu cầu cơ bản về an toàn đối với thức ăn đường phố, Nxb y Học Hà Nội và nhiều công trình, bài viết khác về vấn đề này trên các tạp chí chuyên ngành, trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Về phương diện khoa học luật hình sự, không giống như các tội khác, tội vi phạm quy định về VSATTP chưa nhận được sự quan tâm thỏa đáng nghiên cứu về mặt lý luận và thực

tiền của các nhà khoa học luật hình sự. Một số công trình về các tội phạm cụ thể trong BLHS đã có đề cập về loại tội phạm này, đó là những nghiên cứu có tính chất làm tiền đề cho việc nghiên cứu sâu hơn về bản chất, đặc điểm và các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về VSATTP. Cụ thể là cuốn Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999 của các tác giả TS. Phùng Thế Vắc-TS. Trần Văn Luyện-LS.Th.S Phạm Thanh Bình-Th.S Nguyễn Đức Mai-Th.S Nguyễn Sĩ Đại-Th.S Nguyễn Mai Bộ (2001), Nxb Công an nhân dân; Tìm hiểu các tội xâm phạm An toàn công cộng, Trật tự công cộng, Trật tự quản lý hành chính của PGS.TS. Nguyễn Huy Thuật-Trần Minh Hương (2002), Nxb Văn hóa dân tộc; Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm) của PGS.TSKH Lê Cẩm (chủ biên) (2007), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội,...

Tuy nhiên, về cơ bản những hành vi, đặc thù của tội phạm vi phạm về VSATTP cho đến nay vẫn chưa nhận được sự nghiên cứu một cách thỏa đáng. Chính vì vậy, tôi thực hiện đề tài nghiên cứu này với mong muốn đưa ra một số đề vấn đề về lý luận và thực tiễn đề xuất góp phần bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội vi phạm quy định về VSATTP nhằm nâng cao hiệu áp dụng quy định này trong thực tiễn.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Mục đích của Luận văn là: đưa ra khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về VSATTP; tình hình lập pháp đối với tội này; TNHS của người đã thực hiện hành vi phạm tội; phân tích thực trạng vi phạm pháp luật về VSATTP, tình hình tội phạm vi phạm quy định về VSATTP và thực tiễn xử lý. Trên cơ sở đó, đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện quy định này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nhiệm vụ: để thực hiện được mục đích nêu trên, trong quá trình nghiên cứu cần phải giải quyết những vấn đề sau đây:

- 1) Xây dựng định nghĩa khoa học về khái niệm tội vi phạm quy định về VSATTP;
- 2) Nghiên cứu, phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về VSATTP qua đó làm nổi bật đặc điểm có tính đặc thù của loại tội này;
- 3) Phân tích thực trạng vi phạm quy định về VSATTP, thực tiễn xử lý dưới góc độ pháp luật phi hình sự và pháp luật hình sự. Qua đó, nghiên cứu những vấn đề đang bất cập, tồn tại đối với quy định về tội này;
- 4) Luận chứng về sự cần thiết phải hoàn thiện tội vi phạm quy định về VSATTP trong pháp luật hình sự Việt Nam và đưa ra các phương hướng hoàn thiện quy định về tội vi phạm quy định về VSATTP tại Bộ luật hình sự năm 1999.

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tội vi phạm quy định về VSATTP.

- Phạm vi nghiên cứu của luận văn là nghiên cứu tội vi phạm quy định về VSATTP dưới góc độ lý luận về tội phạm và thực tiễn lập pháp hình sự, áp dụng pháp luật hình sự.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn là quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng, chỉ thị của Ban Bí thư, Bộ Chính trị, trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam cũng như những thành tựu của khoa học Luật hình sự, khoa học luật tố tụng hình sự.

Đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp tổng kết, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật; phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp.

Ngoài ra việc nghiên cứu đề tài luận văn còn sử dụng phương pháp kết hợp giữa những thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng và tri thức về y sinh học để đưa ra những nhận định, đánh giá và đề xuất kiến nghị.

5. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn

Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của Luận văn là tác giả đã làm sáng tỏ khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về VSATTP, qua đó làm nổi bật đặc điểm có tính đặc thù của loại tội này trong pháp luật hình sự hiện hành và trong thực tiễn; phân tích, đánh giá quy định của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của tội vi phạm quy định về VSATTP. Trên cơ sở đó, đưa ra các kiến nghị góp phần hoàn thiện quy định này về phương diện lập pháp và các giải pháp phối hợp đấu tranh phòng chống loại tội phạm phức tạp này trong thực tiễn.

Ở một chừng mực nhất định có thể khẳng định điểm mới của Luận văn thể hiện ở chỗ, đây là nghiên cứu chuyên khảo đầu tiên ở cấp độ luận văn thạc sĩ đề cập đến tội vi phạm quy định về VSATTP trong khoa học luật hình sự Việt Nam. Vì vậy, kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy, xây dựng pháp luật, các học viên và sinh viên chuyên ngành luật hình sự.

6. Kết cấu của Luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm ba chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Một số vấn đề chung về tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

Chương 2: Thực trạng vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và thực tiễn xử lý;

Chương 3: Hoàn thiện quy định pháp luật hình sự đối với tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và một số giải pháp phối hợp trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH

VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

1.1. Khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

1.1.1. Khái niệm tội phạm vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

Để làm rõ khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của của tội phạm vi phạm quy định về VSATTP thì cần tìm hiểu khái niệm về thực phẩm và hành vi nào được coi là vi phạm quy định về VSATTP và phải chịu trách nhiệm pháp lý ở dạng TNHS hay phi hình sự. Các vấn đề này sẽ lần lượt được nghiên cứu dưới đây.

Theo định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt “Thực phẩm” là các thứ dùng để chế biến thành món ăn như thịt, cá, trứng, v.v... ; “Lương thực” là thức ăn có chất bột như gạo, ngô, khoai, sắn, v.v... Với định nghĩa này, có thể hiểu thực phẩm và lương thực là hai loại khác nhau. Tuy nhiên, định nghĩa trên được nghiên cứu về mặt ngôn ngữ học, trong thực tế thì những “sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến, bảo quản” đều được coi là thực phẩm (khoản 1 Điều 9 Pháp lệnh VSATTP). Do vậy, thực phẩm hiểu theo nghĩa rộng là bao gồm cả lương thực, yếu tố thực phẩm tại Điều 244 BLHS năm 1999 về tội

vi phạm quy định về VSATTP là bao hàm cả lương thực. Lĩnh vực VSATTP có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp về vấn đề này, vì thế không phải tất cả các hành vi phạm về lĩnh vực này đều phải chịu TNHS. Hành vi vi phạm quy định về VSATTP được coi là trái pháp luật hình sự khi hành vi đó không thực hiện quy định của văn bản pháp luật phi hình sự điều chỉnh trực tiếp về lĩnh vực này. Đó là hành vi “chế biến, cung cấp hoặc bán” thực phẩm không bảo đảm vệ sinh an toàn gây thiệt hại thực tế về tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của người sử dụng. Pháp luật về VSATTP quy định rõ những điều kiện để bảo đảm cho việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn nhưng chủ thể sản xuất, kinh doanh không thực hiện các quy định đó dẫn đến công đoạn chế biến, cung cấp hoặc bán loại thực phẩm không bảo đảm vệ sinh an toàn gây hậu quả thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của con người. Chẳng hạn như pháp luật về VSATTP nghiêm cấm hành

vi chế biến, cung cấp, bán thực phẩm từ nguyên liệu không phải là thực phẩm hoặc hóa chất ngoài Danh mục được phép sử dụng nhưng chủ thể sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã vi phạm quy định này. Ngoài các hành vi nêu trên, pháp luật hình sự không đặt ra vấn đề truy cứu TNHS cho bất cứ hành vi nào khác vi phạm quy định về VSATTP.

Chế biến thực phẩm được hiểu là quá trình xử lý thực phẩm đã qua sơ chế hoặc thực phẩm tươi sống theo phương pháp công nghiệp hoặc thủ công nghiệp để tạo thành nguyên liệu thực phẩm hoặc sản phẩm thực phẩm.

Mặc dù Pháp lệnh vệ sinh an toàn thực phẩm không quy định rõ cung cấp thực phẩm, bán thực phẩm, thực phẩm không bảo đảm an toàn có nội hàm như thế nào? Nhưng qua nghiên cứu văn bản hướng dẫn về VSATTP và kết quả trong thực tiễn của hành vi trong chuỗi sản xuất, kinh doanh thực phẩm có thể nhận thấy, cung cấp thực phẩm là hành vi đưa thực phẩm đến người sử dụng nhưng không bao hàm mục đích vì kinh doanh. Bán thực phẩm là việc chuyển giao nguyên liệu thực phẩm hoặc sản phẩm thực phẩm cho tổ chức, cá nhân nhằm mục đích kinh doanh.

Thực phẩm không bảo đảm an toàn là loại thực phẩm mà chủ thể khi sản xuất, chế biến, cung cấp, bán đã không tuân thủ các điều kiện về sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn theo quy định của pháp luật. Đó là sử dụng các hóa chất độc hại; sử dụng vượt quá hàm lượng

cho phép; bán các loại thực phẩm được chế biến từ nguồn nguyên liệu mang mầm bệnh, không còn thời hạn sử dụng,... gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người. Hành vi chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm trong thực tiễn có thể do cùng một người thực hiện hoặc nhiều người thực hiện.

Như vậy, hành vi chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm vi phạm quy định VSATTP có thể gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của người sử dụng thì thỏa mãn dấu hiệu của tội vi phạm quy định về VSATTP tại Điều 244 BLHS năm 1999 và tội phạm hoàn thành khi hậu quả thiệt hại xảy ra.

Căn cứ vào khái niệm về tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, có thể đưa ra khái niệm về tội vi phạm quy định về VSATTP như sau:

Tội vi phạm quy định về VSATTP là những hành vi vi phạm quy định về VSATTP trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm gây nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Bộ luật hình sự, do người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu TNHS thực hiện một cách cố lỗi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người sử dụng thực phẩm, xâm phạm quy định của Nhà nước về chất lượng hàng hóa.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

- Khách thể của tội vi phạm quy định về VSATTP

Từ định nghĩa khoa học về khách thể của tội phạm và quy định của BLHS năm 1999 về tội vi phạm quy định về VSATTP, cho phép xác định khách thể của tội này là tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng; quyền được sử dụng thực phẩm bảo đảm chất lượng, an toàn của người tiêu dùng; các quy định của pháp luật về VSATTP; trật tự, an toàn công cộng và toàn bộ các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ.

Ngoài dấu hiệu nêu trên, dấu hiệu người bị hại của tội phạm vi phạm quy định về VSATTP cũng thuộc về khách thể của tội phạm này.

- Chủ thể của tội vi phạm quy định VSATTP

Chủ thể của tội vi phạm quy định về VSATTP là một người cụ thể thực hiện hành vi vi phạm quy định về VSATTP được quy định tại Điều 244 BLHS năm 1999, có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu TNHS có hành vi chế biến, cung cấp hay bán thực phẩm mà biết rõ là thực phẩm không bảo đảm an toàn khi được sử dụng cho con người.

Bên cạnh dấu hiệu về năng lực TNHS thì chủ thể của tội vi phạm quy định về VSATTP phải thỏa mãn dấu hiệu đạt độ tuổi chịu TNHS. Độ tuổi chịu TNHS đối với tội vi phạm quy định về vệ sinh thực phẩm theo Điều 244 BLHS năm 1999 chỉ bao gồm độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên mà không quy định độ tuổi từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi.

- Mặt khách quan của tội vi phạm quy định về VSATTP

Trong lý luận về cấu thành tội phạm, mặt khách quan của tội phạm được hiểu là sự tổng hợp các dấu hiệu do luật hình sự quy định và các tình tiết phản ánh hành vi bên ngoài của sự xâm hại cụ thể nguy hiểm đáng kể cho xã hội đến khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hình sự. Mặt khách quan có các dấu hiệu sau đây:

- Hành vi phạm tội;

- Hậu quả phạm tội;

- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả phạm tội;
- Các dấu hiệu không bắt buộc như thủ đoạn (phương pháp), phương tiện (công cụ), thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phạm tội

** Hành vi phạm tội*

Khác với quy định về hành vi của tội phạm này tại điều luật 244 BLHS năm 1999, hành vi vi phạm quy định về VSATTP trong pháp luật phi hình sự có phạm vi rất rộng bao gồm rất nhiều hành vi, chẳng hạn như sơ chế, bao gói, bảo quản, vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu,... thực phẩm. Hành vi phạm tội vi phạm quy định về VSATTP trong BLHS năm 1999 ở phạm

vi hẹp hơn. Theo đó, chỉ cấu thành tội phạm này nếu thực hiện hành vi chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm không bảo đảm vệ sinh an toàn.

** Hậu quả của tội phạm*

Hậu quả của tội phạm vi phạm quy định về VSATTP trực tiếp gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người sử dụng thực phẩm; gián tiếp gây thiệt hại về tài sản, xâm hại trật tự công cộng, an toàn công cộng và quy định của pháp luật VSATTP, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Dấu hiệu hậu quả của tội này là dấu hiệu bắt buộc để định tội.

** Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả xảy ra*

Xuất phát từ cấu thành tội phạm của tội này là cấu thành tội phạm vật chất, cho nên để truy cứu TNHS đối với tội vi phạm quy định VSATTP theo Điều 244 BLHS năm 1999, điều đầu tiên phải xác định có hay không có hậu quả là thiệt hại cho tính mạng hoặc thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe người tiêu dùng. Thứ hai, phải xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả xảy ra, hậu quả là kết quả của hành vi (nguyên nhân) gây ra.

** Phương tiện (công cụ) phạm tội*

Thứ nhất, chủ thể tội phạm không có ý thức che dấu phương tiện (công cụ) phạm tội của mình, diễn ra một cách công khai trên thực tế với mọi người xung quanh. Nhưng không công khai phương tiện (công cụ) đó cho người mua thực phẩm hoặc đối tượng được cung cấp thực phẩm;

Thứ hai, chủ thể tội phạm có ý thức che dấu phương tiện (công cụ) của mình đối với những người xung quanh trong đó có cả người sẽ mua thực phẩm hoặc là người được cung cấp thực phẩm. Che dấu bằng cách tạo thông tin sai sự thật về nguồn gốc, chất lượng thực phẩm để người mua tin dùng hoặc che giấu mục đích sử dụng thực phẩm.

Ngoài ra, phương tiện (công cụ) phạm tội của tội phạm này còn thể hiện một cách bài bản, tinh vi ở chỗ đã ứng dụng những tiến bộ khoa học trong lĩnh vực hóa chất, sinh học,... hoặc những kinh nghiệm có tính chất gia truyền vào quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm bằng những phương tiện (công cụ) sau đây:

- Sử dụng hóa chất kích thích tăng trưởng để tạo ra thực phẩm dẫn đến thực phẩm có dư lượng hóa chất vượt quá giới hạn an toàn ảnh hưởng tới sức khỏe ở người.
- Sử dụng chất phụ gia để tạo ra tình trạng ảo về chất lượng của thực phẩm, làm cho thực phẩm bắt mắt hơn, cảm quan đẹp hơn.
- Sử dụng các hóa chất độc hại để làm tăng giá trị của thực phẩm nhưng chi phí đầu vào rất thấp.

- Mặt chủ quan của tội phạm vi phạm quy định về VSATTP

Biểu hiện lỗi trong mặt chủ quan của tội vi phạm quy định về VSATTP thể hiện: người phạm tội về mặt lý trí, tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho người sử dụng nhưng vẫn thực hiện trên thực tế. Vì tin rằng nếu không thực hiện quy định về VSATTP cũng không gây hậu quả nguy hại nghiêm trọng nào cho người sử dụng và nếu có thì cũng có thể ngăn chặn được. Căn cứ vào lý luận chung về chế định lỗi trong khoa học luật hình sự và khoản 1 Điều 244 BLHS năm 1999 “Người nào chế biến, cung cấp hoặc bán thực

phẩm mà biết rõ là thực phẩm không bảo đảm tiêu chuẩn VSATTP...”, có thể xác định lỗi của tội vi phạm quy định về VSATTP tại Điều 244 BLHS năm 1999 là lỗi vô ý vì quá tự tin.

1.2. Khái quát về tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong pháp luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong pháp luật hình sự từ năm 1945-1985

Nghiên cứu giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1985, cho thấy, pháp luật hình sự Việt Nam đã không quy định về tội vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy vậy, cũng đã có quy định về tội danh liên quan gián tiếp tới vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, đó là Tội làm hàng giả là lương thực, thực phẩm được quy định tại Điều 5 Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép của Hội đồng Nhà nước ngày 10/7/1982. Tội liên quan đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm là loại tội mà đối tượng của tội phạm được quy định tại điều về tội danh đó mà có yếu tố “thực phẩm”.

1.2.2. Tội vi phạm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985

Nghiên cứu Điều 197 BLHS 1985 và điều về tội này tại BLHS năm 1999 (Điều 244) cho thấy, đây là quy định về tội xâm phạm trực tiếp tới lĩnh vực (quy định) VSATTP. Trong phạm

vi nội dung của điều này, ranh giới để xác định hành vi vi phạm quy định về VSATTP được coi là tội phạm, hành vi vi phạm quy định về VSATTP ở dạng vi phạm hành chính là ở “điểm nút” hành vi này gây hậu quả nghiêm trọng trở lên - *gây thiệt hại đến tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe*. Hành vi trái pháp luật ở mặt khách quan của tội phạm này là hành vi chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm.

1.2.3. Tội vi phạm quy định vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999

Kế thừa quy định của tội này trong BLHS năm 1985, tội vi phạm quy định về VSATTP quy định tại BLHS năm 1999 đã được nhà các lập pháp quy định hoàn thiện hơn so với BLHS năm 1985. Tuy nhiên, những tồn tại chủ yếu của quy định về tội này trong BLHS năm 1985 đến Bộ luật này vẫn chưa được giải quyết. Chẳng hạn, vẫn giữ dấu hiệu hậu quả “thiệt hại nghiêm trọng” là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm cơ bản khi truy cứu TNHS đối với tội phạm này. Các hành vi vi phạm quy định về VSATTP vẫn còn chưa đầy đủ so với thực tế của tình hình tội phạm. Những khiếm khuyết này đã gây khó khăn trong việc xử lý hình sự đối với tội vi phạm quy định về VSATTP, đồng thời chưa bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng thực phẩm.

1.3. Một số quy định về tội phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm trong pháp luật của một số nước

Nghiên cứu về quy định về tội phạm về an toàn thực phẩm trong pháp luật một số nước cho thấy, có quốc gia quy định tội phạm này trong pháp luật phi hình sự (luật an toàn thực phẩm), có quốc gia lại quy định tội phạm này trong bộ luật hình sự. Khác với quy định về tội

vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của luật hình sự Việt Nam. Hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm của tội phạm này được quy định trong pháp luật một số nước (Ấn Độ, Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc) bao gồm nhiều hành vi không chỉ giới hạn trong “chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm”. Nhìn chung pháp luật các nước quy định hình phạt rất nghiêm khắc đối với tội phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm. Hầu hết luật các nước không

quy định dấu hiệu pháp lý bắt buộc là phải xác định hậu quả thiệt hại trên thực tế, không phải căn cứ vào dấu hiệu này để cơ quan có thẩm quyền xác định hình phạt áp dụng đối với chủ thể đã

thực hiện hành vi vi phạm quy định về an toàn thực phẩm. Theo đó, chỉ cần có hành vi vi phạm quy định về lĩnh vực an toàn thực phẩm thỏa mãn dấu hiệu “có thể gây nguy hiểm” cho sức khỏe con người là bị áp dụng hình phạt. Điểm đặc biệt là dấu hiệu này cũng đã được ghi nhận trong pháp luật hình sự Việt Nam, cụ thể là tại Điều 5 Pháp lệnh trừng trị tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép của Hội đồng Nhà nước ngày 10/7/1982 (Phạm tội làm hàng giả hoặc buôn bán hàng giả có chất độc hại hoặc các chất khác *có thể gây nguy hiểm* đến sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng).

1.4. Trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm theo pháp luật Hình sự Việt Nam

TNHS đối với người phạm tội vi phạm quy định về VSATTP quy định tại Điều 244 BLHS năm 1999 được thể hiện dưới hình thức, bằng bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của tòa án áp dụng hình phạt tù (hình phạt chính) và hình phạt bổ sung đối với người phạm tội này.

Tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả rất nghiêm trọng và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng được quy định tại điều luật này chưa được quy định tại văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, khi áp dụng tình tiết này, trong thực tiễn cho thấy, cơ quan bảo vệ pháp luật đã phải căn cứ vào hậu quả của một loại tội phạm khác để xác định thế nào là hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, thiếu căn cứ thuyết phục.

1.5. Quy định pháp luật phi hình sự - một trong những căn cứ để xác định tội phạm vi phạm quy định về VSATTP theo quy định của BLHS

Tội vi phạm quy định về VSATTP là loại tội “viện dẫn” hay “dẫn chiếu”. Bởi lẽ, hành vi trong quy định về tội này được viện dẫn đến một quy định của pháp luật phi hình sự, tự nó không thể mô tả hết các yếu tố tội phạm.

Vấn đề đặt ra là BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có định nghĩa hay đưa ra một tiêu chí hoặc nguyên tắc về loại tội “viện dẫn” này. Do đó, có thể coi đây là khiếm khuyết của pháp luật hình sự. Ngoài ra, quy định của pháp luật dân sự cũng đóng vai trò quan trọng làm căn cứ cho việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án về tội vi phạm quy định về VSATTP. Đó là các quy định về bồi thường thiệt hại tại Chương XXI - Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Bộ luật dân sự năm 2005).

Chương 2

THỰC TRẠNG VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ THỰC TIỄN XỬ LÝ

2.1. Thực trạng vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và thực tiễn xử lý dưới góc độ pháp luật phi hình sự

2.1.1. Thực trạng vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

Trong thực tiễn, hành vi vi phạm quy định về VSATTP diễn ra ở hầu hết các công đoạn trong chuỗi hình thành nên thực phẩm từ việc nuôi trồng, chế biến, bảo quản, cung cấp, bán thực phẩm. Hậu quả của tình hình vi phạm này là trong 4 năm từ năm 2004-2008 trên địa bàn cả nước đã xảy ra 906 vụ ngộ độc thực phẩm với 30.180 người bị ngộ độc, số người chết là 267 người, trung bình một năm chết 53,4 người. Theo số liệu thống kê của tổ chức y tế Thế giới (WHO) thì hàng năm ở Việt Nam có hơn 8 triệu người bị ngộ độc và tiêu chảy do ăn uống.

2.1.2. Thực tiễn xử lý vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

Theo Báo cáo của Chính phủ thì việc xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định về VSATTP được thực hiện bằng việc thanh tra, kiểm tra 13 loại hình cơ sở sản xuất kinh doanh từ năm 2004-2008. Hình thức xử lý vi phạm được áp dụng đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm quy định về VSATTP chủ yếu được áp dụng là biện pháp xử phạt cảnh cáo và phạt tiền. Trong đó, biện pháp xử phạt cảnh cáo chiếm tỷ lệ lớn hơn biện pháp xử phạt tiền. Cá biệt có cơ sở chỉ bị phạt cảnh cáo mà không phải chịu các biện pháp xử phạt khác như phạt tiền, buộc tiêu hủy sản phẩm, đình chỉ sản xuất như cơ sở chế biến, bảo quản nông sản. Điều quan tâm là biện pháp khắc hậu quả là buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng... được áp dụng chiếm tỷ lệ rất ít. Như vậy, về cơ bản phần lớn các sản phẩm do các cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm quy định về VSATTP vẫn được đưa ra lưu thông trên thị trường.

2.2. Tình hình tội phạm và thực tiễn xử lý vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm dưới góc độ pháp luật hình sự, nguyên nhân hạn chế

2.2.1. Tình hình tội phạm vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và thực tiễn xử lý

Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

Mặc dù, ở giai đoạn này, trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đã không xử lý hình sự tội phạm về VSATTP, nhưng không vì thế mà cho rằng tội phạm này đã không xuất hiện. Dẫn đến tình hình này có thể do nguyên nhân như điều kiện nhận thức của người sử dụng thực phẩm còn chưa đầy đủ về hậu quả của thực phẩm mất an toàn và sự thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan bảo vệ pháp luật nên tội phạm này không bị xử lý hình sự.

Giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2008

Giai đoạn này tội vi phạm quy định về VSATTP xuất hiện với tính chất và mức độ rất nghiêm trọng. Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội thì kiến thức về khoa học công nghệ thực phẩm của người sản xuất, chế biến thực phẩm cũng có những thay đổi căn bản. Theo đó,

xuất hiện trên thị trường nhiều loại hóa chất, cách thức sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm không bảo đảm an toàn, dễ áp dụng để tạo ra tình trạng ảo về chất lượng của thực phẩm

như mẫu mã đẹp hơn, nhìn bắt mắt hơn, thời gian sử dụng lâu hơn.v.v... Có thể khái quát tình hình tội phạm vi phạm quy định về VSATTP ở những điểm sau:

Thứ nhất, tội vi phạm quy định về VSATTP chủ yếu là tội phạm ở dạng ẩn;

Thứ hai, chủ thể thực hiện tội vi phạm quy định về VSATTP có điểm chung là vì lợi nhuận đã “nhắm mắt làm liều”, không ý thức được một cách rõ ràng về hậu quả xảy ra do hành vi trái pháp luật hình sự của mình là xâm hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng và đe dọa gây thiệt hại lâu dài cho tính mạng, sức khỏe của người sử dụng thực phẩm;

Thứ ba, tội vi phạm quy định về VSATTP dễ được thực hiện ở phương diện chủ thể thực hiện và cách thức thực hiện, nhưng hậu quả của việc sử dụng thực phẩm không an toàn gây hại cho tính mạng, sức khỏe con người lại khó bị phát hiện.

Thứ tư, tội phạm này thông thường xâm hại tới tính mạng, sức khỏe của nhiều người và trong một số trường hợp diễn ra ở phạm vi rất rộng lớn.

2.2.2. Thực tiễn xử lý tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

Theo số liệu thống kê xét xử thì từ năm 2002-2008 ngành Tòa án mới xét xử được 01 vụ án về tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Theo Báo cáo của Bộ Công an thì quy định tại Điều 244 là tội danh thuộc nhóm ít hoặc chưa có thực tế áp dụng. Số liệu này cho thấy, thực trạng xử lý hình sự đối tội phạm vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm chiếm tỷ lệ rất nhỏ so với tình hình tội phạm này trong thực tiễn.

2.2.3. Nguyên nhân hạn chế trong xử lý tội phạm vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm tại Việt Nam

Nguyên nhân thứ nhất, người bị thiệt hại nhiều khi không thể biết được mình bị xâm hại bởi hành vi vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, do đó họ không thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý;

Nguyên nhân thứ hai, người bị thiệt hại, cơ quan bảo vệ pháp luật gặp trở ngại lớn trong việc xác định hậu quả và mối quan hệ nhân quả của tội vi phạm quy định về VSATTP;

Nguyên nhân thứ ba, cơ quan chức năng còn chưa nhận thấy một cách đầy đủ hậu quả nghiêm trọng của tội phạm trong lĩnh vực VSATTP.

Nguyên nhân thứ tư, là do thiếu sót của hệ thống các quy phạm pháp luật đang điều chỉnh tội phạm trong lĩnh vực VSATTP.

Nguyên nhân thứ năm, môi trường để thực hiện tội phạm này rất thuận lợi, dễ dàng nhưng lại khó bị phát hiện bởi được “ngụy trang” rất tinh vi nên tính chất, mức độ xâm hại tới tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng càng ngày càng nghiêm trọng.

Chương 3

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHỐI HỢP TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG LOẠI TỘI PHẠM NÀY

3.1. Hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự đối với tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

3.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đối với tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

Nghiên cứu quy định về tội vi phạm quy định về VSATTP tại Điều 244 BLHS năm 1999, có thể thấy quy định này đã bộc lộ những khiếm khuyết như sau:

- Sự không phù hợp giữa các dấu hiệu hành vi

Giữa tên của điều luật và nội dung khoản 1 - cấu thành cơ bản chưa có sự nhất quán, bởi lẽ tên của điều luật là “vi phạm quy định về VSATTP” nhưng tại khoản 1 lại đề cập đến dấu hiệu “tiêu chuẩn vệ sinh an toàn”. Vi phạm “quy định về VSATTP” có nội hàm bao trùm khái niệm “tiêu chuẩn VSATTP”. Theo đó, “vi phạm quy định về VSATTP” được hiểu là vi phạm các quy định pháp luật về lĩnh vực này được văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về VSATTP điều chỉnh, còn “tiêu chuẩn vệ sinh an toàn” thực phẩm là chỉ bao gồm những văn bản nào quy định cụ thể đặc tính kỹ thuật về hóa học, vật lý,... của một tiêu chuẩn cụ thể áp dụng cho một loại thực phẩm cụ thể mà không phải áp dụng bắt buộc chung cho tất cả các loại thực phẩm. “Tiêu chuẩn vệ sinh an toàn” cũng là quy định về VSATTP nhưng không phải mọi trường hợp đều có hiệu lực bắt buộc, chỉ có giá trị pháp lý bắt buộc khi được cơ quan có thẩm quyền viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật.

- Tính không rõ ràng trong dấu hiệu của tội phạm

Mặt khách quan của tội vi phạm quy định về VSATTP chỉ ra các hành vi trái pháp luật hình sự mà theo đó phải bị truy cứu TNHS là hành vi “chế biến, cung cấp hoặc bán” thực phẩm. Tuy nhiên, dấu hiệu hành vi “chế biến, cung cấp hoặc bán” tại Điều 244 BLHS năm 1999 lại chưa hoàn toàn chính xác về các hành vi vi phạm trong thực tiễn. Theo nghĩa này, thì một người chỉ phải chịu TNHS một trong hai hành vi “chế biến, cung cấp” hoặc “bán” và khi hành vi này “gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng”. Điểm khiếm khuyết trong quy định về hành vi này là ở chỗ đã không thể hiện được ý đồ của các nhà làm luật, theo đó hành vi “chế biến, cung cấp” bao gồm “chế biến thực phẩm để cung cấp” và “chế biến thực phẩm để bán” mà gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người sử dụng nói chung mà không phải chỉ đối với “người tiêu dùng”.

- Tính không phù hợp với lý luận về lỗi trong cấu thành tội phạm

Lỗi là trạng thái tâm lý bên trong của con người thể hiện ra thế giới khách quan bằng hành vi dưới dạng (hành động hoặc không hành động), xâm phạm khách thể được luật hình sự bảo vệ và theo đó phải chịu TNHS. Lỗi cho dù là vô ý vì quá tự tin hay cố ý đều hàm chứa sự nhận thức rõ ràng về tính nguy hiểm của hành vi. Tuy nhiên, dấu hiệu “biết rõ” trong mặt chủ quan của tội vi phạm quy định về VSATTP là rất khó xác định, “biết rõ” hiểu theo nghĩa biết chính xác về một vấn đề hay phỏng đoán về một vấn đề nào đó bằng niềm tin cho rằng nó là có thực. Căn cứ vào cơ sở nào để xác định người “chế biến, cung cấp hoặc thực phẩm mà biết rõ là thực phẩm bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh an toàn”.

- Tính không đầy đủ của hành vi vi phạm quy định về VSATTP

Nghiên cứu hành vi phạm quy định về VSATTP trong thực tiễn cho thấy, nếu trong mặt khách quan của tội phạm này chỉ có các hành vi “chế biến, cung cấp hoặc bán” thực phẩm thì chưa đầy đủ. Bởi vì, để chế biến thành thực phẩm dạng thành phẩm (đã chế biến xong) để bán hoặc để cung cấp cho người sử dụng thì nhất thiết phải có hành vi vận chuyển. Do đó, hành vi vận chuyển là công đoạn cực kỳ quan trọng trong chuỗi những hành vi kể trên. Ngoài ra, hành

vi nhập khẩu thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm hoặc dùng các thủ đoạn khác để đưa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn vào Việt Nam. Bởi lẽ, trong thực tiễn hành vi này cũng có nhiều khả năng đe dọa gây thiệt hại đáng kể như các hành vi vận chuyển, chế biến, cung cấp, bán thực phẩm không an toàn cho tính mạng, sức khỏe người sử dụng.

- Vấn đề xác định hậu quả của hành vi vi phạm quy định VSATTP

Thực tiễn cho thấy việc xác định được hậu quả thiệt hại xảy ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả để xử lý hình sự tội phạm này là không khả thi. Nạn

nhân thường chỉ nhận biết được những loại hậu quả thiệt hại “đơn giản” do tội phạm trong lĩnh vực về VSATTP gây ra, chẳng hạn như ngộ độc thực phẩm, đau bụng, buồn nôn, suy nhược cơ thể,... Những loại hậu quả thiệt hại “phức tạp” như sử dụng thực phẩm có chất bảo quản, chất kích thích tăng trưởng độc hại nhiều lần sẽ tích lũy trong cơ thể là nguyên nhân dẫn đến các bệnh nguy hiểm cho tính mạng con người như ung thư, suy thận, sinh lý v.v... thì không thể nhận biết ngay được.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự đối với tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

1) Điều... Tội chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm không bảo đảm an toàn

Người nào chế biến, cung cấp thực phẩm không bảo đảm an toàn hoặc chế biến, bán thực phẩm không bảo đảm an toàn cho sức khỏe của người sử dụng, thì bị phạt tù từ... hoặc phạt tiền từ...

2) Điều... Tội vận chuyển thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn

Người nào vận chuyển thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn cho sức khỏe của người sử dụng nhằm mục đích bán, chế biến để sử dụng ở người thì bị phạt tiền từ... hoặc phạt tù...

3) Điều... Tội nhập khẩu thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không an toàn

Người nào nhập khẩu trái phép thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn cho sức khỏe người sử dụng hoặc dùng các thủ đoạn khác đưa vào lãnh thổ Việt Nam thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn cho sức khỏe người sử dụng đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật về hành vi này thì bị phạt tù từ hoặc phạt tiền từ ...

3.2. Một số giải pháp phối hợp góp phần đấu tranh phòng chống tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm

- Cơ quan bảo vệ pháp luật (công an, viện kiểm sát, tòa án) phải thống nhất quan điểm coi đây là tội phạm gây nguy hiểm nghiêm trọng cho xã hội như những loại tội phạm khác, hậu quả của tội phạm này là vô cùng lớn cho xã hội.

- Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm vi phạm quy định về an toàn thực phẩm phải lấy phòng ngừa là chính, ngăn chặn khả năng thực tế hậu quả của tội phạm này xảy ra. Đồng thời, giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật với cơ quan chuyên ngành quản lý chất lượng an toàn thực phẩm cần có cơ chế thông tin nhanh chóng về tình hình xử phạt vi phạm hành chính, các dấu hiệu của hành vi phạm tội nhằm xử lý kịp thời, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Ngoài ra, vấn đề đầu tư cơ sở vật chất là giải pháp cần phải được quan tâm đúng mức, bởi vì hiện nay một số chỉ tiêu phân tích hóa chất độc hại trong thực phẩm ở nước ta vẫn còn phải thuê phòng thử nghiệm ở nước ngoài phân tích.

KẾT LUẬN

1. Tội vi phạm quy định về VSATTP đã được ghi nhận về mặt lập pháp hình sự của nước ta từ những năm 80 và một số hành vi của tội phạm này cũng đã được ghi nhận trong văn bản pháp luật phi hình sự của thập kỷ 60 thế kỷ trước. Tại những thời điểm này, mặc dù tình hình kinh tế - xã hội của nước ta còn gặp vô vàn khó khăn nhưng việc ban hành văn bản pháp luật điều chỉnh lĩnh vực VSATTP trong đó bao gồm cả tội phạm về lĩnh vực này là sự tiến bộ, phản ánh chủ trương đường lối của Nhà nước ta trong vấn đề xử lý vi phạm pháp luật về VSATTP, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Tội vi phạm quy định về VSATTP được thực hiện bởi lỗi vô ý nhưng trên thực tế các hành vi phạm tội hầu hết đều có động cơ, mục đích là vì lợi nhuận mà “nhắm mắt làm liều”, coi thường sinh mạng, sức khỏe của người sử dụng thực phẩm. Một số hành vi phạm tội có tính chất rất quy mô, bài bản và tinh vi. Tội phạm vi phạm quy định về VSATTP có số lượng người bị hại luôn chiếm tỷ lớn, nhưng nhiều trường hợp người bị hại không biết sinh mạng, sức khỏe mình bị xâm hại dẫn đến họ không thể bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

3. Các hành vi phạm tội ngoài việc xâm hại trực tiếp tới sinh mạng, sức khỏe của người sử dụng thực phẩm còn xâm hại gián tiếp tới trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Đó là việc sử dụng nguyên liệu thực phẩm chế biến, cung cấp hoặc bán thực phẩm thành phẩm mất an toàn gây tâm lý không tốt cho người sử dụng. Dẫn đến khi có bất kỳ thông tin nào dù là chưa có căn cứ về một loại thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm không bảo đảm an toàn được công bố, lập tức người sử dụng thực phẩm ngừng tiêu thụ những thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm đó hoặc loại liên quan. Do vậy, đã gây thiệt hại về kinh tế, uy tín cho chủ thể sản xuất, kinh doanh thực phẩm chân chính.

4. Thực tiễn cho thấy, hành vi vi phạm quy định về VSATTP diễn ra trong tất cả các công đoạn của chuỗi hình thành nên thực phẩm. Trong số đó, có những hành vi đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội phạm nhưng vẫn không được xử lý hình sự, các chế tài pháp lý phi hình sự đã không còn tính răn đe, giáo dục. Mặt khác, tuy là tội được thực hiện với lỗi vô ý nhưng tội phạm này vẫn có những phương pháp (công cụ) tinh vi, bài bản, nhưng dấu hiệu này cùng với dấu hiệu về động cơ, mục đích được phản ánh ở mức độ thấp, không phải là dấu hiệu cơ bản của tội phạm này. Nguyên nhân của thực trạng này là do sự khiếm khuyết của quy định pháp luật hình sự và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan quản lý chất lượng VSATTP.

5. BLHS đã qua 5 lần sửa đổi, bổ sung nhưng quy định về tội này về cơ bản vẫn không được sửa đổi nhiều, một số khiếm khuyết đã không được giải quyết. Nhiều hành vi phạm quy định về VSATTP gây hậu quả nghiêm trọng cho xã vẫn chưa được tội phạm hóa. Do đó, ảnh hưởng trực tiếp tới việc áp dụng pháp luật hình sự, dẫn đến người thực hiện tội phạm thường coi thường pháp luật, sinh mạng, sức khỏe của người dân tiếp tục bị xâm hại nghiêm trọng.

Vì vậy, việc khắc phục những tồn tại trên cần phải được giải quyết kịp thời theo phương hướng hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự về tội này, đồng thời hoàn thiện quy định của pháp luật phi hình sự về VSATTP, tổ chức hoạt động của cơ quan chức năng về quản lý nhà nước về VSATTP. Góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm này có hiệu quả.

Những nội dung trên là kết quả nghiên cứu bước đầu về một số vấn đề về lý luận và thực tiễn dưới góc độ pháp luật hình sự, nhằm tìm ra phương hướng góp phần khắc phục những khiếm khuyết trên phương diện lập pháp và hoạt động áp dụng pháp luật; góp phần đấu tranh phòng chống hiệu quả tội phạm vi phạm quy định về VSATTP trong thực tiễn.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng chắc chắn Luận văn còn có điểm thiếu sót. Tác giả Luận văn mong nhận được sự góp ý, phê bình của thầy giáo, cô giáo và độc giả quan tâm để tiếp tục hoàn thiện công trình nghiên cứu này.

References

1. Ban công tác lập pháp của Ủy ban thường vụ Quốc hội (2005), *Tổng tập văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội* (Tập I từ khóa I đến khóa VII; Tập II - khóa VIII; Tập III - khóa IX; Tập IV - khóa X; Tập V - khóa XI), Nxb Tư pháp.
2. Bộ Công an (2009), *Báo cáo tổng kết thi hành 8 năm Bộ luật hình sự số 185/BC-BCA (V19)*, ngày 08/5.
3. Bộ Y tế - Bộ Nội thương (1971), *Quyết định liên bộ số 322-YT/LB ngày 09/6 ban hành Điều lệ vệ sinh thực phẩm*.
4. Bộ Y tế (2008), *Hệ Thống Tiêu Chuẩn Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm Dược Phẩm, Mỹ Phẩm và các quy định mới nhất hướng dẫn thực hiện*, Nxb Hồng Đức.
5. TSKH. Lê Cẩm (chủ biên) (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Phần Chung), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
6. TSKH.PGS Lê Văn cảm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự* (Phần chung), Sách chuyên khảo sau đại học, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
7. TSKH.PGS Lê Cẩm (Chủ biên) (2005), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự* (Sách chuyên khảo), Nxb Tư pháp.
8. PGS.TSKH Lê Cẩm (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Phần các tội phạm), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Chính phủ (1964), *Nghị định số 194-CP ngày 31/12 ban hành Điều lệ giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe*.
10. Chính phủ (1999), *Tờ trình Quốc hội về dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi) số 461/CP-PC ngày 5/5*.
11. Chính phủ (2004), *Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07/09 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh VSATTP*.
12. Chính phủ (2005), *Nghị định số 45/2005/NĐ-CP ngày 04/6 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (bao gồm cả xử phạt vi phạm trong lĩnh vực VSATTP)*.

13. Chính phủ (2005), *Nghị định số 128/2005/NĐ-CP ngày 11/10 về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thủy sản.*
14. Chính phủ (2009), *Báo cáo số 45/BC-CP ngày 07/4 về việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý chất lượng VSATTP.*

15. Chính phủ (2009), *Dự thảo Luật an toàn thực phẩm trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XII*.
16. Chính phủ (2009), *Nghị định số 40/2009/NĐ-CP ngày 24/4 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y*.
17. Chính phủ (2009), *Nghị định số 54/2009/NĐ-CP ngày 05/6 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa*.
18. Chính phủ (2009), *Dự thảo Luật an toàn thực phẩm trình Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII tháng 10*.
19. Thiên Chương (21/6/2009), *Công nhân ngộ độc hàng loạt là do cá ngừ có độc tố quá cao*, Trang báo vnexpress xem tại địa chỉ: <http://www.vnexpress.net/GL/Doi-song/2009/06/3BA10615/>
20. Lê Tiến Dũng (27/6/2007), *Vấn đề độc chất 3-MCPD trong thực phẩm*, trên trang thông tin trung tâm xúc tiến khoa học và giáo dục, xem tại địa chỉ: http://www.cynosura.org/index.php?option=com_content&view=article&id=79:vn--c-cht-3-mcpd-trong-thc-phm.
21. TS. Trần Mạnh Đạt (2004), *Đấu tranh phòng, chống tội kinh doanh trái phép ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp.
22. Đinh Bích Hà (2005), *Bộ luật Hình sự của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Nxb Tư pháp.
23. Lê Thanh Hà (09/06/2006; 25/5/2007), *Thịt chín, thuốc vẫn còn*, trên trang báo Tuổi trẻ, xem tại địa chỉ: <http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=142625&ChannelID=3>; *Nước tương chứa chất gây ung thư: “Ém nhem” suốt sáu năm*, trên trang báo Tuổi trẻ, xem tại địa chỉ: <http://www.tuoitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=202709&ChannelID=3>;
24. *Luật quản lý chất lượng thực phẩm của Thái Lan* (1974), xem tại địa chỉ: <http://www.thailawonline.com/en/thai-laws/laws-of-thailand/197-food-act-be-2522-1979.html>.
25. *Luật về an toàn thực phẩm của Ấn Độ* (1954, 2006), xem tại địa chỉ: <http://www.helplinelaw.com/docs/PREVENTION%20OF%20FOOD%20ADULTERATION%20ACT%20-%201954>;
http://www.commonlii.org/in/legis/num_act/fsasa2006234/.

26. *Luật thực phẩm của Malaysia* (1983), xem tại địa chỉ: www.moh.gov.my/MohPortal/actDetail.jsp?action=view&id=19.
27. Trần Thị Hồng Lê (2009), *Các tội phạm về lĩnh vực công nghệ thông tin theo Luật hình*

sự Việt Nam, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

28. TS. Phạm Văn Lợi (2004) (Chủ biên), *Tội phạm về môi trường một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị Quốc gia.
29. TS. Phạm Văn Lợi (2007) (Chủ biên), *Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin* (Sách chuyên khảo), Nxb Tư pháp.
30. TS. Phùng Thế Vắc, TS. Trần Văn Luyện, LS.Th.S Phạm Thanh Bình, Th.S Nguyễn Đức Mai, Th.S Nguyễn Sĩ Đại, Th.S Nguyễn Mai Bộ (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999* (Phần các tội phạm), Nxb Công an nhân dân.
31. Đỗ Minh (11/09/2009) Hà Nội: *Phát hiện thêm kho lớn chứa mỡ thối làm bánh trung thu*, trên báo Vietnamnet, xem tại địa chỉ:
<http://vietnamnet.vn/xahoi/doesong/2009/09/868091/>.
32. Lê Nguyễn (15/08/2007), TPHCM: *Kinh hoàng món ăn "ngậm" chất tẩy trắng*, trên trang báo Tiền phong online, xem tại địa chỉ:
<http://www.tienphong.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=92965&ChannelID=9>.
33. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội (2008), *Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều tra hình sự - Giám định tư pháp, Thi hành án phạt tù và các văn bản hướng dẫn thực hiện*.
34. Nhà xuất bản chính trị quốc gia (2004), *Hệ thống các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*.
35. Đinh Văn Quế (2005), *Pháp luật hình sự thực tiễn xét xử và án lệ*, Nxb Lao động - Xã hội.
36. P. Thái (10/09/2009), *Nghi lấy mỡ lợn thối làm nhân bánh Trung thu*, trên trang báo Vietnamnet, xem tại địa chỉ: <http://vietnamnet.vn/xahoi/doesong/2009/09/867893/>.
37. Việt Thắng (28/04/2009), *120 người bị ngộ độc sau tiệc cưới*, trên báo lao động, xem tại địa chỉ:
<http://www.laodong.com.vn/Home/120-nguoi-bi-ngo-doc-sau-tiec-cuoi/2009/4/136302.1aodong>.
38. DS Phạm Thiệp, *Hàn the gây hại sức khoẻ như thế nào?*, trang báo y khoa, xem tại địa chỉ: http://www.ykhoanet.com/yhoccotruyen/baiviet/29_471.htm.
39. Quang Thuần (03/10/2009), *Phát hiện hàng chục tấn lòng bò kém vệ sinh*, trên báo

thanh niên, xem tại địa chỉ: <http://www.thanhnien.com.vn/news/Pages/200940/20091003005044.aspx>.

40. TS. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật hình sự Việt Nam* (Sách tham khảo), Nxb Chính trị Quốc gia
41. PGS.TS. Nguyễn Huy Thuật, Trần Minh Hưởng (2002), *Tìm hiểu các tội xâm phạm An toàn công cộng, Trật tự công cộng, Trật tự quản lý hành chính*, Nxb Văn hóa dân tộc.

42. Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái (2005), *Bản án hình sự sơ thẩm số 37/HSST ngày 6/4*.
43. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2005), *Bản án hình sự số 291/HSST ngày 10/8*.
44. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2008), *Bản án hình sự số 54/2008/HSST ngày 29/1*.
45. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2008), *Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2008/HSST ngày 01/01*.
46. Thanh Trầm (12/01/2007), Hà Nội: *Nhan nhân bánh phở có formol*, trang báo Dân trí, xem tại <http://dantri.com.vn/c7/s7-161931/nhan-nhan-banh-pho-co-formol.htm>.
47. Lê Minh Triết (05/11/2007), *Lợn sữa thổi rửa vẫn vào lò quay*, trên báo Công an nhân dân, xem tại địa chỉ <http://www.cand.com.vn/vi-VN/xahoi/2007/11/78285.cand>.
48. Vân Trường (31/08/2004), Tiền Giang: *Dự tiệc cưới, 400 người bị ngộ độc*, trên báo Tuổi trẻ online, xem tại địa chỉ: <http://www.tuoitre.vn/tianyon/Index.aspx?ArticleID=46613&ChannelID=12>.
49. Trường đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học* (Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự), Nxb Công an nhân dân.
50. Trung tâm từ điển Tiếng Việt - Vietlex, *Trung tâm từ điển học* (2009), Nxb Đà Nẵng.
51. Ủy ban khoa học công nghệ và môi trường (2006), *Các Báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực quản lý chất lượng, VSATTP số 1337/UBKHCMNT11 ngày 25/8 và số 1381/UBKHCMNT11 ngày 21/10*.
52. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2009), *Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm số 225/BC-UBTVQH12 ngày 18/5*.
53. Thê Uyên (29/05/2007), *Nước tương có chất 3-MCPD và bệnh ung thư: Chất 3-MCPD gây biến đổi gene*, trên báo Lao động, xem tại địa chỉ: <http://www.laodong.com.vn/Home/Chat-3MCPD-gay-bien-doi-gene/20075/38330.laodong>.
54. Bs. Tú Uyên (10/12/2008), *Vì sao rượu pha methanol gây độc cho cơ thể?*, trên trang báo Đà Nẵng, xem tại địa chỉ: <http://www.baodanang.vn/vn/suckhoe/17248/index.html>.

